TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06/01/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lường Ngọc Thông;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Ó và bà Lê Thị Bống

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngoãn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2021 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1990, cư trú tại bản C, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

***- Bị đơn*:** Anh Đinh Văn T, sinh năm 1981, cư trú tại bản C, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt không có lý do.

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:**

1. Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1982, cư trú tại bản C, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Đinh Thị B, sinh năm 1998, cư trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

- Người làm chứng:

1. Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1980, cư trú tại bản Th, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

2. Chị Mùi Thị D, sinh năm 2001, cư trú tại bản C, xã M huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

3. Chị Vì Thị E, sinh năm 1983, cư trú tại bản C, xã Q huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2021 và bản tự khai chị Hoàng Thị K đều trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Đinh Văn T ngày 18/02/2008, tại Ủy ban

nhân dân xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, do hai bên tự nguyện và chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên do chị đi lao động tại tỉnh HY không may bị tai nạn lao động phải điều trị dài ngày tại Bệnh viện Hà Nội, anh T thiếu quan tâm chăm sóc. Ngoài ra anh T còn có con riêng với người phụ nữ khác, thường gây sự với chị, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có chuyển biến, chị đã sống ly thân với anh T từ tháng 8/2020 đến nay, chị yêu cầu được ly hôn anh Đinh Văn T.

Quá trình chung sống đã có với nhau 02 con chung là Đinh Hồng E, sinh ngày 21/5/2007 và Đinh Quang H, sinh ngày 21/10/2010, chị yêu cầu được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản riêng: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA LEAD do anh trai chị là anh Hoàng Văn A mua tặng cho riêng chị, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do có tranh chấp về giá trị tài sản chung, ngày 19/7/2021 chị K có bổ sung đơn yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung, cụ thể như sau:

Về tài sản chung: Năm 2010 vợ chồng có làm được nhà gỗ 01 gian 02 trái, mái lợp tấm FiPrô xi măng, vách ván, sàn gỗ, trị giá khoảng 40.000.000^{đ} (Bốn mươi triệu đồng), nằm trên 100m^2 đất vườn mượn anh Hoàng Văn A cho mượn. Năm 2020 anh, chị nuôi được một đàn lợn 11 con, mỗi con khoảng 80 đến 90 kg, trong lúc chị đi chăm sóc mẹ nằm viện thì anh T dẫn người từ tỉnh Bắc Giang đến bắt hết lợn trong chuồng lên xe ô tô đi bán được 76.500.000^{đ} (Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chung là 116.500.000^{đ} (Một trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), chị yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: Có vay mẹ đẻ là bà Đinh Thị N số tiền 30.000.000^{đ} (Ba mươi triệu đồng), và nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của chị Đinh Thị B 25.000.000^{đ} (Hai mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng là 55.000.000^{đ} (Năm mươi lăm triệu đồng), chị yêu cầu chia đôi.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2021 và phiên hòa giải anh Đinh Văn T đều trình bày: Anh đăng ký kết hôn với chị Hoàng Thị K năm 2008 và sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị K bị tai nạn lao động phải nằm viện điều trị dài ngày, ảnh hưởng đến tài chính gia đình dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng với nhau, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn anh mong muốn được đoàn tụ, nhưng nếu chị K kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Quá trình chung sống đã có với nhau 02 con chung như chị K trình bày, nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Đinh Hồng E và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà sàn gỗ 01 gian 02 trái, mái lợp Fiprô xi măng, vách ván, sàn gỗ, trị giá 60.000.000^{đ} (Sáu mươi triệu đồng), 01 chiếc xe

máy nhãn hiệu HONDA LEAD trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tiền bán lợn gửi tiết kiệm 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), anh yêu cầu chia đôi.

Về tài sản riêng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự giải quyết không yêu cầu tòa giải quyết.

Đơn yêu cầu của cháu Đinh Hồng E và cháu Đinh Quang H đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Hoàng Thị K.

Về tài liệu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bản tự khai và biên bản xác minh ngày 11/8/2021 bà Đinh Thị N trình bày: Tháng 7/2020 con gái bà là Hoàng Thị K đi lao động tại tỉnh HY bị tai nạn lao động phải nằm điều trị tại Bệnh viện Hà Nội, bà có cho vợ chồng chị K vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Trường hợp chị K, anh T ly hôn bà yêu cầu trả đủ số tiền vay.

Biên bản xác minh ngày 11/8/2021 chị Đinh Thị B trình bày: Trong năm 2020 chị bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho chị Hoàng Thị K, tính đến tháng 9/2020 chị K còn nợ chị là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), nếu vợ chồng chị K ly hôn chị yêu cầu chị K thanh toán số tiền nợ trên.

Biên bản xác minh ngày 11/8/2021 anh Hoàng Văn A trình bày: Anh có cho em gái là Hoàng Thị K mượn 100m^2 đất vườn, tại bản C, xã M, huyện Phù Yên để làm nhà, nếu chị K và anh T ly hôn anh yêu cầu trả lại diện tích đất cho mượn.

Năm 2019 chị K đi làm công nhân tại Công ty Ngọc Hà ở Thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, do không có phương tiện đi lại anh A có mua cho chị K 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA LEAD, nếu chị K và anh T ly hôn anh yêu cầu giao xe cho chị K sở hữu, sử dụng.

Về tài liệu người làm chứng:

Biên bản xác minh ngày 11/8/2021 chị Vì Thị E xác nhận: Ngày 05/11/2020 chị có mua 01 con lợn thịt với chị K 83 kg, giá thị trường tại huyện Phù Yên lúc đó là 90.000đ/kg, chị K giảm cho chị 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng), chị đã thanh toán cho chị K 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), khi chị mua lợn trong chuồng nhà chị K có 11 con cả con chị mua, con nhỏ nhất khoảng trên 80 kg, con to nhất khoảng 90 kg.

Biên bản xác minh ngày 11/8/2021 chị Hoàng Thị C trình bày: Chị biết rõ năm 2020 vợ chồng chị K, anh T nuôi được một đàn lợn thịt 11 con, đầu tháng 11/2020 chị K đã bán 01 con hơn 80 kg, còn lại 10 con thì trong lúc chị K đi chăm sóc mẹ ốm tại Bệnh viện, anh T dẫn người đến bắt hết đàn lợn trong chuồng lên ô tô đi tỉnh Bắc Giang bán.

Biên bản xác minh ngày 11/8/2021 chị Mùi Thị D trình bày: Chị là hàng xóm của chị K và anh T, năm 2020 gia đình chị K nuôi được đàn lợn 11 con, con nhỏ nhất khoảng hơn 80 kg, con lớn nhất khoảng 90 kg. Vào khoảng 01 giờ sáng

ngày không nhớ, cuối tháng 11/2020 anh T dẫn người đến nhà bắt toàn bộ lợn trong chuồng lên xe ô tô tải đi bán.

Đoạn file ghi âm cuộc gọi điện thoại giữa chị K và anh Đỗ Hải N người trực tiếp đến nhà chị K bắt lợn, xác nhận: Anh cùng với anh T và một số người khác đến nhà anh T bắt 10 con lợn lên xe ô tô tải đi tỉnh Bắc Giang bán, trong đó có 05 con 90 kg và 05 con 80 kg, trước khi bắt lợn anh T dùng thuốc gây mê để lợn không kêu.

Bản tường trình ngày 24/12/2021 của anh Đỗ Hải N xác định: Khoảng 00 giờ ngày 21/11/2020 anh cùng với anh T, anh J đến nhà chị K bắt 10 con lợn lên xe ô tô tải đi huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang bán, trong đó có 05 con là 80 kg và 05 con là 90 kg.

Ngày 16/11/2021 Hội đồng định giá tài sản huyện Phù Yên, kết luận: 01 nhà sàn 01 gian 02 trái khung cột gỗ, mái lợp Fibrô xi măng, vách ván gỗ, sàn gỗ là 90.380.400đ (chín mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng), tiền san ủi nền nhà 14.912.691đ (Mười bốn triệu chín trăm mười hai nghìn sáu trăm chín mươi mốt đồng), tổng giá trị là 105.293.091đ (Một trăm linh năm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn không trăm chín mươi mốt đồng).

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị K trình bày ý kiến tranh luận vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bổ sung và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thêm.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của chị Đinh Thị B vì lý do công việc không tham gia phiên tòa được và đề nghị để cho chị Hoàng Thị K có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của chị Vì Thị E, do bận công việc không thể tham gia phiên tòa được có xác nhận: Ngày 05/11/2020 chị trực tiếp đến nhà chị K mua 01 con lợn thịt 83 kg với giá 90.000đ/kg, chị đã thanh toán đủ tiền mua lợn cho chị K.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của chị Hoàng Thị C và chị Mùi Thị D đều vì lý do công việc không tham gia phiên tòa được và đều xác nhận vào khoảng 01 giờ sáng, ngày không nhớ, cuối tháng 11/2020 anh T cùng 03 người đàn ông đến nhà chị K bắt 10 con lợn trong chuồng lên xe ô tô tải trong lúc chị K không ở nhà, con to nhất khoảng 90 kg, con nhỏ nhất trên 80 kg.

Đơn xin rút yêu cầu của bà Đinh Thị N đối với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho chị K và anh T vay vì lý do không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho vay.

Đơn xin rút yêu cầu của anh Hoàng Văn A đối với 100 m^2 đất vườn cho chị K, anh T mượn, do chị K và anh T không có tranh chấp.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật Tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng của đương sự và

những người tham gia tố tụng khác, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 và Điều 60 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, thụ lý vụ án, lập hồ sơ vụ án đầy đủ, thu thập tài liệu, chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn, theo quy định tại các Điều 48, 95, 96, 97, 98, 99, 104, 198 và Điều 204 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký, nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia Tố tụng trong vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Giải quyết vụ án trong thời hạn quy định, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định tại các Điều 203 và 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đề nghị giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 59, 61, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân & Gia đình. Đề nghị xử cho chị Hoàng Thị K được ly hôn anh Đinh Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Hồng E và cháu Đinh Quang H đến khi thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chấp nhận chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Căn cứ vào tổng giá trị tài sản chung sau khi trừ nghĩa vụ trả nợ chung, phần còn lại đề nghị chia theo công sức đóng góp, người được chia tài sản có trách nhiệm thanh toán bằng tiền đối với phần trị giá tài sản được chia cho bên kia.

Đối với số tiền 15.000.000^{đ} (Mười lăm triệu đồng) anh T khai tiền bán lợn gửi cho chị K gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, do không có tài liệu, chứng cứ để xác định, đề nghị bác yêu cầu của anh T.

Về tài sản riêng: Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA LEAD, biển kiểm soát 26D1- 284.16 do anh Hoàng Văn A tặng cho chị K, thuộc tài sản riêng của chị K, đề nghị giao cho chị K sở hữu, sử dụng theo quy định.

Về nợ chung: Đối với số tiền nợ tiền mua cám lợn của chị Đinh Thị B 25.000.000^{đ} (Hai mươi lăm triệu đồng) là nợ chung, chị K và anh T có trách nhiệm trả nợ cho chị B theo quy định.

Đối với số tiền bà Đinh Thị N 30.000.000^{đ} (Ba mươi triệu đồng) cho chị K và anh T vay, do bà N rút yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị không xem xét giải quyết.

Đối với 100 m^2 đất vườn của anh Hoàng Quốc A cho chị K và anh T mượn, do anh A rút đơn yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về án phí chia tài sản theo giá ngạch: Chị K và anh T phải chịu án phí đối với phần trị giá tài sản của mình được chia.

Về chi phí định giá tài sản: Chị K và anh T phải chịu đối với số tiền chi phí thực tế theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các nội dung yêu cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định vụ án yêu cầu ly hôn giữa nguyên đơn là chị Hoàng Thị K và bị đơn là anh Đinh Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đều có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị K và anh Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định, không ai ép buộc hay bị lừa dối, trong quá trình chung sống luôn bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau, thường xảy ra to tiếng, gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, khuyên giải, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không có chuyển biến tích cực, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, không còn quan tâm và không còn có trách nhiệm với nhau. Tại phiên tòa chị K vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Mặc dù trong bản tự khai và tại phiên hòa giải anh T vẫn yêu cầu được đoàn tụ. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn để duy trì cuộc sống chung lâu dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị Hoàng Thị K được ly hôn anh Đinh Văn T.

[3]. Về con chung: Chị K yêu cầu được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đinh Hồng E và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị K là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị K. Mặc dù cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Hồng E, nhưng anh T thường xuyên đi làm ăn xa, ít có thời gian chăm sóc, giáo dục con chung. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chưa thành niên, cần giao cháu Đinh Hồng E và cháu Đinh Quang H cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng

thành và chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung chị K, anh T có làm được ngôi nhà sàn gỗ, có giá trị là 90.380.400đ (chín mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng), tiền san ủi nền nhà 14.912.691đ (Mười bốn triệu chín trăm mười hai nghìn sáu trăm chín mươi mốt đồng), tiền bán 11 con lợn 850 kg, giá thị trường tại thời điểm tháng 11/2020 là 90.000đ/kg, thành tiền là 83.900.000đ (Tám mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chung là 189.193.091đ (Một trăm tám mươi chín triệu một trăm chín mươi ba nghìn không trăm chín mươi mốt đồng), phần của mỗi người được chia là 94.596.500đ (Chín mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Sau khi trừ nợ chung theo phần của mỗi người là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), phần giá trị tài sản chung chị K và anh Tòa còn được hưởng là 82.096.500đ (Tám mươi hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Hiện nay chị K đang ở ổn định và nuôi hai con chung, đồng thời ngôi nhà được dựng trên diện tích đất của anh Hoàng Văn A cho mượn. Để đảm bảo chỗ ở cho phụ nữ và con chưa thành niên, cần giao cho chị K được sở hữu, sử dụng ngôi nhà sàn gỗ 01 gian 02 trái, mái lợp Fibrô xi măng, vách ván.

Anh Đinh Văn T còn được hưởng trị giá tài sản chung sau khi đã trừ nợ chung là 82.096.500đ (Tám mươi hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng), trong đó anh T đã sử dụng số tiền bán lợn 76.500.000đ (Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó, chị K chỉ còn phải thanh toán tiền chênh lệch tiền tài sản chung cho anh T là 5.596.500đ (Năm triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Đối với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), trong bản tự khai ngày 20/6/2021 anh T khai: Sau khi bán lợn tại tỉnh Bắc Giang anh có gửi cho chị K 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và chị K đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nhưng không biết gửi qua Ngân hàng hay dịch vụ chuyển tiền nào và cũng không biết chị K gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nào, ở đâu. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án đã Thông báo số 130/TB-TA ngày 07/7/2021, về việc yêu cầu anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với số tiền gửi cho chị K, nhưng anh T không thực hiện, cố tình lẩn tránh, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa chị K khẳng định anh T không có khoản tiền nào gửi cho chị và chị cũng không có khoản tiền nào gửi tiết kiệm tại Ngân hàng như lời khai của anh T. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở, căn cứ, xem xét, giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA LEAD, biển kiểm soát 26D-284.16, tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Hoàng Văn A đều khai chỉ tặng riêng cho chị K, đồng thời chị K cũng không đồng ý sáp nhập vào tài sản chung của vợ chồng. Do đó, xác định chiếc xe đó là tài sản riêng của chị K, đồng thời chị K có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản, theo quy định tại Điều 44 của Luật hôn nhân & gia đình.

Đối với diện tích đất 100m^2 đất vườn, tại bản C, xã M, huyện Phù Yên anh A cho chị K và anh T mượn để làm nhà ở, do chị K và anh T không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngày 03/01/2022 anh Hoàng Văn A có đơn rút yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[6]. Về nợ chung: Nợ chị Đinh Thị B số tiền 25.000.000^đ (Hai mươi lăm triệu đồng), chị B yêu cầu chị Khoả có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ, tại phiên tòa chị K cũng nhất trí với yêu cầu của chị B, cần được chấp nhận.

Đối với số tiền nợ bà Đinh Thị N 30.000.000^đ (Ba mươi triệu đồng), ngày 03/01/2022 bà N có đơn xin rút yêu cầu giải quyết, do không có tài liệu, chứng cứ đối với số tiền cho vay và không có xác nhận nợ vay của anh Đinh Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về chi phí định giá tài sản: Chị Hoàng Thị K đã nộp tạm ứng trước tổng số tiền là 5.000.000^đ (Năm triệu đồng), đã chi phí định giá 2.400.000^đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), chị K và anh T mỗi người phải chịu 1.200.000^đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), phần của chị K được trừ vào số tiền đã nộp.

Đã trả cho chị Hoàng Thị K số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản 2.600.000^đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng), có biên bản giao nhận lưu hồ sơ.

Anh Đinh Văn T có trách nhiệm thanh toán khoản tiền đã chi định giá tài sản cho chị K số tiền là 1.200.000^đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

[8]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp.

Án phí chia tài sản có giá ngạch: Chị K và anh T phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng của mỗi người là 82.096.500^đ (Tám mươi hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân & Gia đình;

Căn cứ các Điều 227, 228, khoản 1, 2 Điều 229, 235, 164, 165, 166, khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị K ly hôn anh Đinh Văn T.

3. Về con chung: Giao cháu Đinh Hồng E, sinh ngày 21/5/2007 và Đinh Quang H, sinh ngày 21/10/2010 cho chị Hoàng Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị K không yêu cầu.

Về quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung: Sau khi ly hôn cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Giao cho chị Hoàng Thị K sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà sàn bằng gỗ 01 gian 02 trái, mái lợp Fibrô xi măng, vách ván gỗ, sàn gỗ, tiền san ủi nền nhà và tiền bán lợn bằng 1/2 giá trị tài sản chung được chia sau khi đã trừ nợ phải trả là 82.131.500đ (Tám mươi hai triệu một trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

Chị Hoàng Thị K có trách nhiệm thanh toán khoản tiền chênh lệch tài sản chung cho anh Đinh Văn T là 5.596.500đ (Năm triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Về tài sản riêng: Chị Hoàng Thị K được sở hữu, sử dụng 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA LEAD, biển kiểm soát 26D1-284.16.

5. Về nợ chung: Chị Hoàng Thị K có trách nhiệm trả nợ cho chị Đinh Thị B số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

6. Về chi phí định giá tài sản: Chị Hoàng Thị K phải chịu 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp. Trả cho chị Hoàng Thị K tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản còn thừa là 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng), chị K đã nhận đủ.

Anh Đinh Văn T có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thị K số tiền định giá tài sản đã nộp là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị K phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu số AA/2019/835, ngày 14/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Về án phí chia tài sản chung có giá ngạch: Chị Hoàng Thị K phải chịu 4.104.800đ (Bốn triệu một trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.806.000đ (Hai triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng), tại biên lai thu số: AA/2019/2454 ngày 29/7/2021. Chị K còn phải nộp tiếp là 1.298.800đ (Một triệu hai trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Anh Đinh Văn T phải chịu 4.104.800đ (Bốn triệu một trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chênh lệch tài sản chung, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong thì người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc ngày niêm yết bản sao Bản án sơ thẩm.

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS H.Phù Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Người có QL,NV liên quan;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lường Ngọc Thông